

b) Ban Đào tạo chủ trì, phối hợp với Ban Quan hệ Quốc tế thẩm định hồ sơ, trình Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt.

Điều 30. Công nhận trúng tuyển và triệu tập nhập học

1. Căn cứ danh sách thí sinh trúng tuyển đã được phê duyệt, đơn vị đào tạo gửi giấy báo nhập học đến thí sinh được tuyển chọn.

2. Sau khi thí sinh đăng ký nhập học chính thức, các trường đại học thành viên quyết định công nhận học viên, nghiên cứu sinh của đơn vị mình và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội chậm nhất 1 tháng tính từ thời điểm nhập học; các viện, khoa và trung tâm gửi danh sách đề nghị Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định công nhận học viên, nghiên cứu sinh cho đơn vị mình.

3. Chậm nhất một tuần sau khi nhập học, học viên và nghiên cứu sinh phải khai báo đầy đủ thông tin cá nhân theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội (theo yêu cầu của hệ thống thông tin tích hợp) và của đơn vị đào tạo.

4. Thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định về đề tài luận án, tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Đơn vị đào tạo tổ chức khai giảng năm học mới theo kế hoạch chung của Đại học Quốc gia Hà Nội và phù hợp với điều kiện của đơn vị.

Chương IV

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 31. Khóa đào tạo, năm học, học kì và thời gian đào tạo

1. Chương trình đào tạo được thực hiện theo khóa đào tạo (khóa học), năm học và học kì. Mỗi năm học được chia thành hai học kì.

2. Thời gian đào tạo

a) Thời gian đào tạo thạc sĩ: 2 năm;

b) Thời gian đào tạo tiến sĩ: 3 năm đối với người có bằng thạc sĩ; 5 năm đối với người chưa có bằng thạc sĩ.

c) Thời gian kéo dài được phép là 2 năm cho tất cả các loại trình độ và hình thức đào tạo.

Điều 32. Tổ chức lớp học

1. Lớp khóa học

a) Lớp khóa học được tổ chức cho những người cùng một chương trình đào tạo trong cùng một khóa học và ổn định từ đầu đến cuối mỗi khóa học nhằm quản lý người học, duy trì các hoạt động đoàn thể, các phong trào thi đua, các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, thể thao trong quá trình học tập. Trường hợp người học được phép nghỉ học tạm thời khi trở lại học tập được bố trí vào lớp khóa học phù hợp với khối lượng kiến thức đã tích lũy nhưng giữ nguyên mã người học đã được cấp;

b) Đơn vị đào tạo bố trí cán bộ phụ trách để tổ chức và quản lý lớp khóa học. Cán bộ phụ trách lập kế hoạch học tập cho từng học kỳ và kế hoạch cho toàn khóa học, tổ chức các hoạt động khác liên quan tới lớp học;

c) Tên lớp khóa học được gọi tên theo chuyên ngành và năm nhập học, có mã hiệu theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường hợp một chuyên ngành được tuyển sinh và tổ chức đào tạo tại nhiều đơn vị trong cùng một năm, tên lớp khóa học bổ sung mã số đơn vị.

2. Lớp môn học

a) Lớp môn học được tổ chức cho những người đăng ký học cùng một môn học trong cùng một học kỳ. Đơn vị đào tạo phụ trách môn học có trách nhiệm thành lập và quản lý lớp môn học;

b) Đơn vị đào tạo tổ chức giảng dạy các môn học thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị mình theo lớp môn học. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định số lượng người học tối thiểu cho mỗi lớp môn học tùy theo từng môn học, đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất của đơn vị. Lớp môn học sẽ không được tổ chức nếu số người học đăng ký ít hơn số lượng tối thiểu đã quy định, khi đó người học có thể đăng ký học môn học khác hoặc đăng ký vào những học kỳ sau;

c) Giảng viên môn học trực tiếp phụ trách lớp môn học;

d) Tên lớp môn học được gọi theo mã số môn học. Trường hợp một môn học có nhiều lớp môn học, tên lớp môn học bổ sung số thứ tự lớp môn học. Trường hợp một môn học có nhiều đơn vị đào tạo tổ chức giảng dạy, tên lớp môn học bổ sung mã số đơn vị.

Điều 33. Đăng kí học tập

1. Số tín chỉ đăng kí học trong mỗi học kì (trừ thời gian thực hiện chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận thạc sĩ, luận văn, luận án):

- Chương trình đào tạo chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội: tối thiểu 6 tín chỉ và tối đa 18 tín chỉ;

- Chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế: tối thiểu 12 tín chỉ và tối đa 18 tín chỉ;

- Chương trình đào tạo liên kết quốc tế: theo thỏa thuận giữa đơn vị đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội và đối tác.

Trường hợp người học có nguyện vọng đăng kí học ít hơn số tín chỉ tối thiểu trong một học kì phải được sự đồng ý của Thủ trưởng đơn vị đào tạo.

2. Đăng kí học các môn học

a) Việc tổ chức đăng kí học các môn học trong chương trình đào tạo do thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định tùy theo khả năng và điều kiện cụ thể của đơn vị mình. Người học được đăng kí học và thi các môn học trong chương trình đào tạo do bất kì một đơn vị đào tạo nào thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội được đơn vị quản lí môn học ủy quyền tổ chức giảng dạy. Kết quả các môn học này được chuyển đổi và được thừa nhận ở tất cả các đơn vị đào tạo trong Đại học Quốc gia Hà Nội;

b) Các đơn vị đào tạo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản và trên trang web của đơn vị về kế hoạch giảng dạy, thời khóa biểu của các môn học trước thời gian đăng kí học để người học trong và ngoài đơn vị biết, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người học của đơn vị khác đăng kí môn học, chuyển dữ liệu đăng kí môn học, dữ liệu điểm môn học của người học tới đơn vị đào tạo quản lí người học ngay sau khi kết thúc thời gian đăng kí học và kết thúc việc chấm thi;

c) Tất cả các đơn vị đào tạo sử dụng thống nhất trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội phần mềm và cơ sở dữ liệu quản lí đào tạo, quản lí người học.

3. Thời gian đăng kí môn học và đề tài luận văn, luận án

a) Các môn học trong chương trình đào tạo thạc sĩ được đăng kí học theo học kì;

b) Các chuyên đề tiến sĩ phần bắt buộc phải được đăng kí học tập và hoàn thành trong năm học đầu tiên của chương trình đào tạo tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ phần tự chọn phải được đăng kí học tập và hoàn thành ít nhất 6 tháng trước khi bảo vệ luận án cấp cơ sở;

c) Đề tài tiểu luận thạc sĩ và các giảng viên phụ trách được thủ trưởng các viện, khoa và trung tâm hoặc khoa chuyên môn của các trường đại học thành viên phê duyệt trước khi kết thúc thời gian đào tạo 6 tháng;

d) Đề tài luận văn và cán bộ hướng dẫn luận văn cho học viên được đơn vị chuyên môn đề nghị và thủ trưởng cơ sở đào tạo phê duyệt trước khi kết thúc thời gian đào tạo 12 tháng;

e) Đề tài luận án và cán bộ hướng dẫn luận án cho nghiên cứu sinh được đơn vị chuyên môn đề nghị căn cứ trên đề tài đã được đánh giá trong quá trình xét tuyển và thủ trưởng cơ sở đào tạo phê duyệt muộn nhất là 3 tháng sau khi nhập học đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ đúng ngành hoặc 3 tháng sau khi kết thúc các môn học của chương trình bậc thạc sĩ đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ đúng ngành.

4. Đăng kí học lại

a) Đối với các môn học bắt buộc, nếu bị điểm F, người học phải đăng kí học lại môn học đó;

b) Đối với môn học tự chọn, nếu bị điểm F, người học đăng kí học lại môn học đó hoặc đăng kí học môn học tự chọn khác cùng khối kiến thức để thay thế.

5. Đăng kí học cải thiện điểm

Đối với các môn học đạt điểm D trở lên, người học được đăng kí học lại môn học đó hoặc học đổi sang môn học khác (nếu là môn học tự chọn) để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy. Điểm môn học cũ bị hủy bỏ khi việc đăng kí học lại để cải thiện điểm được chấp nhận và sẽ được thay bằng điểm môn học để cải thiện điểm. Người học chỉ được đăng kí học cải thiện điểm một lần cho mỗi môn học.

6. Đăng kí môn học được bảo lưu

Đối với người học đã có bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ, người học chuyển cơ sở đào tạo, người học ngừng học hoặc thôi học, căn cứ chương trình đào tạo, thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định những môn học được bảo lưu. Điểm các môn

học được bảo lưu phải xác định trước khi bắt đầu thực hiện kế hoạch học tập chương trình mới. Trong thời hạn đăng kí môn học, người học chỉ cần đăng kí khối lượng học tập đối với những môn học không được bảo lưu trong chương trình đào tạo.

7. Kết quả đăng kí môn học

Đơn vị đào tạo thông báo kết quả đăng kí môn học cho người học khi đã hoàn thành việc đăng kí đảm bảo khối lượng học tập tối thiểu của học kì theo quy định.

Kết quả đăng kí môn học chỉ được chấp thuận sau khi người học hoàn thành các khoản đóng góp kinh phí theo quy định.

8. Thời hạn bảo lưu kết quả môn học do đơn vị đào tạo quản lí môn học quy định nhưng không vượt quá 5 năm tính từ ngày thi kết thúc môn học.

Điều 34. Đánh giá kết quả môn học

1. Điểm đánh giá môn học (gọi là điểm môn học) là điểm trung bình có trọng số của các điểm đánh giá bộ phận (gồm điểm kiểm tra thường xuyên, điểm báo cáo thảo luận tại xemina, điểm kiểm tra định kì trên lớp...) và điểm thi kết thúc môn học. Trọng số của các điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc môn học được quy định trong đề cương môn học và được công bố cho người học biết ngay khi bắt đầu học môn học, trong đó điểm thi kết thúc môn học là bắt buộc và có trọng số không dưới 60%.

2. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định và giao nhiệm vụ cho các giảng viên môn học và các bộ phận liên quan tổ chức kiểm tra và thi kết thúc môn học.

3. Các điểm bộ phận và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm từ 0 đến 10, lẻ đến 0,5. Điểm môn học được tính theo trọng số và làm tròn đến một chữ số thập phân và được chuyển thành điểm chữ với các mức như sau:

9,0 – 10	tương ứng với	A ⁺
8,5 – 8,9	tương ứng với	A
8,0 – 8,4	tương ứng với	B ⁺
7,0 – 7,9	tương ứng với	B
6,5 – 6,9	tương ứng với	C ⁺
5,5 – 6,4	tương ứng với	C
5,0 – 5,4	tương ứng với	D ⁺
4,0 – 4,9	tương ứng với	D
Dưới 4,0	tương ứng với	F

Người học không dự kiểm tra, không dự thi kết thúc môn học thiếu lí do chính đáng sẽ nhận điểm không (điểm 0). Điểm đạt yêu cầu của môn học là điểm C trở lên.

4. Đối với môn học vì lí do chính đáng (được cơ quan có thẩm quyền xác nhận và thủ trưởng đơn vị đào tạo chấp thuận) chưa có đủ dữ liệu để xác định điểm (do thiếu điểm kiểm tra, thiếu điểm thi kết thúc môn học), khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu I (điểm I). Người học có môn học điểm I phải dự kiểm tra bổ sung, dự thi kết thúc môn học bổ sung theo sự sắp xếp của đơn vị đào tạo để có đủ dữ liệu cho việc xác định điểm. Môn học chưa nhận được kết quả học tập của người học, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu X (điểm X). Khi có đầy đủ dữ liệu và nhận được kết quả học tập của người học, điểm I, điểm X sẽ được thay thế bằng điểm tương ứng.

Đối với những môn học được bảo lưu khi chuyển từ cơ sở đào tạo khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình đào tạo, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

5. Điểm kiểm tra, điểm thi kết thúc môn học và điểm môn học phải được thông báo cho người học. Điểm môn học phải được ghi vào bảng điểm học tập của người học theo mẫu thống nhất do đơn vị đào tạo quy định. Điểm môn học của người học phải được lưu trong sổ điểm chung của đơn vị đào tạo.

6. Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định việc bảo quản và lưu giữ bài thi và các hồ sơ liên quan đến bài thi.

Điều 35. Đánh giá chuyên đề tiến sĩ

1. Việc đánh giá chuyên đề tiến sĩ trong chương trình đào tạo tiến sĩ được thực hiện bằng cách chấm điểm bài trình bày của nghiên cứu sinh trước tiêu ban chấm thi.

2. Thủ trưởng các viện, khoa và trung tâm hoặc khoa chuyên môn của các trường đại học thành viên quyết định thành lập tiêu ban chấm thi gồm ba thành viên, là những người có học vị tiến sĩ hoặc có chức danh phó giáo sư trở lên có chuyên môn phù hợp và hiểu biết sâu về chuyên đề của nghiên cứu sinh.

3. Điểm đánh giá chuyên đề tiến sĩ là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên tiêu ban chấm thi được làm tròn đến một chữ số thập phân sau đó

được chuyển thành điểm chữ theo quy định tại Khoản 3, Điều 34, Quy chế này. Điểm đạt yêu cầu của chuyên đề tiến sĩ là điểm C trở lên.

Điều 36. Tính điểm trung bình chung

1. Để tính điểm trung bình chung học kì và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ các môn học được quy đổi sang thang điểm 4 như sau:

A ⁺	tương ứng với	4,0
A	tương ứng với	3,7
B ⁺	tương ứng với	3,5
B	tương ứng với	3,0
C ⁺	tương ứng với	2,5
C	tương ứng với	2,0
D ⁺	tương ứng với	1,5
D	tương ứng với	1,0
F	tương ứng với	0

2. Điểm trung bình chung học kì và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau đây và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kì hoặc điểm trung bình chung tích lũy

i: là số thứ tự môn học

a_i: là điểm của môn học thứ i

n_i: là số tín chỉ của môn học thứ i

n: là tổng số môn học trong học kì hoặc tổng số môn học đã tích lũy.

Điểm trung bình chung học kì được sử dụng trong việc xét khen thưởng sau mỗi học kì. Điểm trung bình chung tích lũy được sử dụng trong việc xét cấp sinh hoạt phí, học bổng sau mỗi năm học, xét cho bảo vệ luận văn, luận án, xét khen thưởng cuối khoá, xét cho chuyển tiếp sinh và các tiêu chí thi đua khác.

Điều 37. Xử lý học vụ

Sau mỗi học kì, đơn vị đào tạo thực hiện xử lý học vụ.

1. Cảnh báo học vụ

Đầu mỗi học kì (từ học kỳ thứ 2 trở đi), đơn vị đào tạo cảnh báo đối với những học viên có điểm trung bình chung học kì đạt từ 0,8 đến dưới 0,85 đối với học kì đầu của khóa học; đạt từ 1,0 đến dưới 1,1 đối với các học kì tiếp theo hoặc đạt từ 1,1 đến dưới 1,2 đối với 2 học kì liên tiếp.

2. Thôi học

Học viên, nghiên cứu sinh được thôi học nếu có đơn xin thôi học và được thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định đồng ý.

3. Buộc thôi học

Sau mỗi học kì, học viên, nghiên cứu sinh bị buộc thôi học nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có điểm trung bình chung học kì đạt dưới 0,8 đối với học kì đầu của khóa học; đạt dưới 1,0 đối với các học kì tiếp theo hoặc đạt dưới 1,1 đối với 2 học kì liên tiếp;

b) Vượt quá thời gian đào tạo cho phép;

c) Bị kỉ luật vì lí do thi hộ, nhờ người thi hộ hoặc bị kỉ luật ở mức xóa tên khỏi danh sách học viên, nghiên cứu sinh của đơn vị đào tạo.

4. Chuyển đổi chương trình đào tạo

a) Người học các chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế thuộc diện chưa bị buộc thôi học, nếu vi phạm một trong các trường hợp dưới đây sẽ được xem xét chuyển sang học chương trình đào tạo chuẩn của chuyên ngành khác trong cùng ngành học:

- Có điểm trung bình chung học kì tính đến thời điểm xét đạt dưới 2,0;

- Đã bị kỉ luật trong thời gian học từ mức khiển trách trở lên.

b) Trường hợp không có chương trình đào tạo chuẩn của chuyên ngành khác trong cùng ngành học tại Đại học Quốc gia Hà Nội, người học có thể được giới thiệu tới cơ sở đào tạo khác nếu được cơ sở này chấp nhận;

c) Trường hợp không thể chuyển đổi chương trình đào tạo hoặc cơ sở đào tạo, người học sẽ được xử lý thôi học như quy định tại Khoản 2, Điều này;

d) Cách thức chuyển cơ sở đào tạo, chuyển chuyên ngành học và chuyển kết quả học tập cho người học do Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 38. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Những thay đổi trong quá trình đào tạo thạc sĩ

a) Học viên có thể đổi chuyên ngành đào tạo một lần trong cùng ngành học, có chung các môn thi tuyển sinh và các môn học thuộc nhóm môn học bắt buộc của phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành. Việc đổi chuyên ngành đào tạo chỉ giải quyết khi có lí do chính đáng;

b) Học viên được coi là hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn nếu trong thời hạn đào tạo 2 năm đã bảo vệ thành công luận văn. Nếu quá thời hạn trên, học viên phải đóng thêm học phí theo quy định của đơn vị đào tạo. Nếu trong thời gian quá hạn 2 năm, học viên không hoàn thành chương trình đào tạo thì sẽ bị buộc thôi học;

c) Thủ trưởng đơn vị đào tạo xem xét, quyết định và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội chậm nhất 1 tháng sau khi quyết định về việc cho học viên đổi chuyên ngành đào tạo, cho phép thôi học, buộc thôi học và thông báo kết quả cho địa phương nơi người học có hộ khẩu thường trú (đối với những người đi học theo diện tự do) hoặc cơ quan công tác (đối với những người đi học theo diện được cơ quan cử) được biết;

d) Những trường hợp thay đổi khác do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định.

2. Những thay đổi trong quá trình đào tạo tiến sĩ

a) Việc thay đổi đề tài luận án (mang ý nghĩa thay đổi hướng nghiên cứu) chỉ giải quyết khi có lí do chính đáng và phải được tiêu ban đánh giá đề cương do đơn vị đào tạo thành lập thông qua, thủ trưởng đơn vị đào tạo chấp thuận và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội. Thủ trưởng đơn vị đào tạo có thẩm quyền chấp nhận đề nghị của người hướng dẫn, chủ nhiệm bộ môn hoặc chủ nhiệm khoa thay đổi một phần tên đề tài, tên luận án nếu không thay đổi hướng nghiên cứu và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội;

b) Việc bổ sung hoặc thay đổi cán bộ hướng dẫn chỉ thực hiện khi thật cần thiết và chậm nhất là một năm trước khi nghiên cứu sinh hết thời hạn đào tạo;

c) Nghiên cứu sinh được coi là hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn nếu đã bảo vệ thành công luận án trước hội đồng đánh giá cấp cơ sở luận án tiến sĩ trong thời hạn 3 năm đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ và 5 năm đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ. Nếu quá thời hạn trên, nghiên cứu sinh được phép kéo dài tối đa 2 năm nhưng phải đóng thêm học phí theo quy định của đơn vị đào tạo. Nếu sau thời hạn kéo dài tối đa, nghiên cứu sinh không hoàn thành chương trình đào tạo thì sẽ bị buộc thôi học.

Trong thời hạn 2 năm kể từ khi bị buộc thôi học, nghiên cứu sinh có thể trở lại đơn vị đào tạo để bảo vệ luận án nếu được cơ quan đề nghị, cán bộ hướng dẫn đồng ý và đơn vị đào tạo chấp thuận. Trong trường hợp này, nghiên cứu sinh phải đóng kinh phí đọc phản biện độc lập, kinh phí tổ chức các hội đồng đánh giá và chấm luận án;

d) Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội chậm nhất 1 tháng sau khi quyết định về việc điều chỉnh, thay đổi đề tài luận án; bổ sung hoặc thay đổi cán bộ hướng dẫn; cho phép thôi học; buộc thôi học và thông báo kết quả học tập của nghiên cứu sinh của đơn vị mình cho địa phương nơi người học có hộ khẩu thường trú (đối với những người đi học theo diện tự do) hoặc cơ quan công tác (đối với những người đi học theo diện được cơ quan cử) được biết.

e) Nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ, đang trong thời hạn học tập, đã hoàn thành các môn học của chương trình đào tạo thạc sĩ, có nguyện vọng thực hiện luận văn cùng hướng với đề tài nghiên cứu của luận án để nhận bằng thạc sĩ, được cán bộ hướng dẫn đồng ý, được cơ sở đào tạo chấp thuận, đáp ứng các yêu cầu của chương trình đào tạo thạc sĩ đúng thời hạn thì được xem xét để cấp bằng thạc sĩ. Học viên phải đóng kinh phí hoàn thành luận văn và cấp bằng thạc sĩ theo số tín chỉ của chương trình đào tạo. Thời gian hoàn thành luận văn tính vào thời gian đào tạo nghiên cứu sinh.

Điều 39. Chuyển đơn vị/cơ sở đào tạo

1. Học viên, nghiên cứu sinh có thể xin chuyển đến đơn vị hoặc cơ sở đào tạo khác (gọi chung là đơn vị đào tạo) trong hoặc ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội nếu có đủ các điều kiện sau:

- a) Có lí do chính đáng;
- b) Đang trong thời hạn đào tạo;
- c) Được đơn vị đào tạo xin chuyển đi và chuyển đến đồng ý.

Việc chấp nhận hay không chấp nhận kết quả học tập đã tích lũy, xác định các môn học cần bổ sung do đơn vị đào tạo mới quyết định.

2. Học viên, nghiên cứu sinh đang học tại một đơn vị đào tạo có chất lượng ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội được chuyển về học tại Đại học Quốc gia Hà Nội nếu có đủ các điều kiện sau:

- a) Người học có nguyện vọng chuyển về học tại Đại học Quốc gia Hà Nội;
- b) Có đủ sức khỏe để học tập;
- c) Có tư cách đạo đức, ý thức tổ chức kỉ luật tốt, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- d) Không thuộc diện bị buộc thôi học và có điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,0 trở lên;
- e) Được sự đồng ý của thủ trưởng đơn vị xin chuyển đi;
- g) Tham dự kiểm tra kiến thức và đạt điểm theo quy định của đơn vị đào tạo tiếp nhận.

3. Học viên, nghiên cứu sinh là người nước ngoài hoặc người Việt Nam đang học tại một đơn vị đào tạo ở nước ngoài đã được kiểm định chất lượng và có uy tín có thể được xét để chuyển về học tại Đại học Quốc gia Hà Nội khi có đủ các điều kiện quy định tại Khoản 2, Điều này và phải nộp đầy đủ hồ sơ học viên, nghiên cứu sinh khi làm thủ tục chuyển trường.

Các điều kiện về trình độ tiếng Việt hoặc ngoại ngữ liên quan áp dụng quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 29 của Quy chế này.

Học viên, nghiên cứu sinh chuyển đơn vị đào tạo được bảo lưu điểm và số tín chỉ của môn học theo quy định tại Khoản 6, Điều 33 của Quy chế này.

4. Học viên, nghiên cứu sinh không được xem xét chuyển về học tại Đại học Quốc gia Hà Nội nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Đang chịu mức kỉ luật từ cảnh cáo trở lên;

b) Không có đủ các điều kiện được quy định tại các Khoản 2 và 3 của Điều này.

5. Hiệu trưởng trường đại học thành viên quyết định và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội việc cho chuyển đi hoặc tiếp nhận học viên, nghiên cứu sinh chuyển tới đơn vị mình. Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định việc cho chuyển đi hoặc tiếp nhận học viên, nghiên cứu sinh của các viện, khoa và trung tâm.

Chương V

TIÊU LUẬN THẠC SĨ, LUẬN VĂN, LUẬN ÁN

Điều 40. Yêu cầu đối với tiểu luận thạc sĩ

1. Đề tài tiểu luận thạc sĩ là một vấn đề, một tình huống cụ thể do yêu cầu của thực tiễn liên quan đến nội dung của chương trình đào tạo do người hướng dẫn đề nghị và báo cáo đơn vị đào tạo.

2. Kết quả nghiên cứu trong tiểu luận thạc sĩ phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào và được thực hiện chủ yếu trong thời gian học tập tại đơn vị đào tạo.

3. Nội dung tiểu luận thạc sĩ phải thể hiện được một phần kiến thức về lí thuyết và thực hành trong lĩnh vực chuyên môn, chứng tỏ tác giả đã biết vận dụng phương pháp nghiên cứu và những kiến thức được trang bị trong quá trình học tập để xử lí một vấn đề, một tình huống cụ thể liên quan đến nội dung của chương trình đào tạo.

4. Tiểu luận thạc sĩ có khối lượng khoảng 40 trang A4 có thể nhiều hoặc ít hơn tùy đặc thù lĩnh vực nghiên cứu nhưng không quá 50 trang, được chế bản theo mẫu quy định chung của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 41. Đánh giá tiểu luận thạc sĩ

1. Học viên được đánh giá tiểu luận thạc sĩ khi có đủ các điều kiện dưới đây:

a) Đã tích lũy đủ số tín chỉ theo yêu cầu của chương trình đào tạo thạc sĩ và hoàn thành tiểu luận thạc sĩ trong thời hạn đào tạo tối đa cho phép, có điểm trung bình chung tích lũy các môn học đạt từ 2,5 trở lên;

b) Đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 14 của Quy chế này;